

SÁNG KIẾN KINH NGHIỆM:

XÂY DỰNG HỆ THỐNG BÀI TẬP BỒI DƯỠNG HỌC SINH GIỎI TIẾNG ANH CẤP TIỂU HỌC

I. ĐIỀU KIỆN HOÀN CẢNH TẠO RA SÁNG KIẾN

1.1. Lý do chọn đề tài:

Ngoại ngữ nói chung và tiếng Anh nói riêng ngày càng trở nên quan trọng trong thời đại toàn cầu hóa hiện nay. Đặc biệt, tiếng Anh đã trở thành một phương tiện chính thức để chúng ta có thể hội nhập sâu rộng với thế giới trên mọi lĩnh vực. Xác định tầm quan trọng đó, Thủ tướng Chính phủ đã ra Quyết định số 1400/QĐ – TTg ngày 30/9/2008 phê duyệt Đề án “Dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân, giai đoạn 2008-2020”. Trong đó đã quy định ngoại ngữ số 1 được dạy và học trong hệ thống giáo dục quốc dân là tiếng Anh; xây dựng và ban hành khung trình độ năng lực ngoại ngữ gồm 6 bậc tương thích với các tiêu chí của khung tham chiếu châu Âu. Theo đó học sinh tốt nghiệp cấp Tiểu học phải đạt chuẩn bậc 1.

Để có thể thực hiện thành công mục tiêu trên, mỗi giáo viên phải không ngừng tự học và tự bồi dưỡng để nâng cao trình độ năng lực tiếng Anh của mình mà còn phải nâng cao chất lượng học sinh sinh giỏi để tạo ra nhân tài cho đất nước. Để có được học sinh giỏi thì ngoài năng lực, tố chất của học sinh còn phải kể đến công lao bồi dưỡng của người thầy. Người thầy phải nghiên cứu, tìm tòi, và củng cố lượng kiến thức về từ vựng và ngữ pháp, đồng thời phải xây dựng hệ thống các loại bài tập để bồi dưỡng và nâng cao cho các em. Trong tất cả các giáo trình tiếng Anh đang được áp dụng trên hệ thống giáo dục tiểu học hiện tại thì phần bài tập nâng cao chưa đa dạng dạng và còn thiếu. Bên cạnh đó, các loại sách tham khảo dành cho công tác bồi dưỡng học sinh giỏi ở cấp học này cũng

không nhiều. Để giải quyết vấn đề này, tôi đã cho ra đời của sáng kiến kinh nghiệm: **“Xây dựng hệ thống bài tập bồi dưỡng học sinh giỏi tiếng Anh cấp Tiểu học”**

1.2. Mục đích nghiên cứu:

- Nâng cao chất lượng dạy và học môn tiếng Anh nói chung và bồi dưỡng học sinh giỏi môn tiếng Anh tiểu học nói riêng.
- Nâng cao nghiệp vụ sư phạm của bản thân.

1.3. Đối tượng nghiên cứu:

Học sinh các lớp 4, 5 tại trường Tiểu học B Yên Đồng huyện Ý Yên

1.4. Phạm vi nghiên cứu:

- Chương trình tiếng Anh tiểu học lớp 3, 4, 5.
- Từ vựng theo chủ đề: family, school, weather, color, food, animal, place,...
- Ngữ pháp: Các thì tiếng Anh cơ bản, các cấu trúc ngữ pháp,...

1.5. Nhiệm vụ nghiên cứu:

- Nghiên cứu nâng cao chất lượng bồi dưỡng học sinh giỏi tiếng Anh cấp tiểu học.
- Giúp học sinh đạt trình độ năng lực tiếng Anh bậc A1 theo tham khung chiếu châu Âu sau khi tốt nghiệp bậc tiểu học.

1.6. Phương pháp nghiên cứu:

- Hệ thống hóa các chủ điểm từ vựng và dạng bài tập thông qua các tài liệu, sách giáo khoa và thực tiễn bồi dưỡng học sinh giỏi tiếng Anh tiểu học.
- Tiến hành khảo sát chất lượng học sinh qua các đợt kiểm tra định kỳ và thi học sinh giỏi tiếng Anh tại trường.

- đúc rút kinh nghiệm qua quá trình nghiên cứu.

II. THỰC TRẠNG

2.1. Thuận lợi:

2.1.1. Các yếu tố chủ quan có ảnh hưởng tích cực tới đề tài:

- Là giáo viên tiếng Anh đứng lớp qua nhiều năm kinh nghiệm và nghiên cứu giảng dạy tôi dành nhiều thời gian và tâm huyết để nghiên cứu suy ngẫm về chuyên môn cũng như tính hiệu quả của giờ lên lớp, đặc biệt là giờ dạy bồi dưỡng học sinh giỏi.
- Bản thân tôi chịu khó tìm tòi, nghiên cứu, tham khảo nhiều tài liệu, về ngữ pháp, bài tập nâng cao, các đề thi học sinh giỏi huyện, tỉnh, quốc gia... Sau đó, tôi ghi chép và tích lũy thường xuyên.
- Bản thân thường xuyên trao đổi với đồng nghiệp trong và ngoài giờ dạy để học hỏi và đúc rút kinh nghiệm cần thiết để áp dụng trong quá trình bồi dưỡng.

2.1.2. Yếu tố khách quan ảnh hưởng tích cực đến đề tài:

- Ban giám hiệu có sự động viên sâu sắc đúng mức đến công tác bồi dưỡng học sinh giỏi.
- Một số học sinh giỏi tiếng Anh năng và ham học.
- Những năm gần đây các kì thi HSG tiếng Anh chủ yếu được tổ chức thông qua hình thức giao lưu Olympic tiếng Anh cấp huyện vào cuối năm học, và đặc biệt qua mạng Internet, cứ mỗi tuần mở ra một vòng thi giúp học sinh dễ dàng vào thi và thực sự gây hứng thú cuốn hút được các em.

2.2. Khó khăn:

- Trường tôi là một trường nằm ở vùng nông thôn, tài liệu sách tham khảo ở thư viện còn hạn chế. Vì thế, chưa có đủ tư liệu để học sinh và giáo viên tham khảo,

ngiên cứu một cách thoải mái, dễ dàng. Đa số học sinh là con em nông dân, gia đình còn nghèo nên cha, mẹ chỉ lo kinh tế không có thời gian quan tâm và đôn đốc việc học của các em nên nguồn học sinh khá, giỏi còn hạn chế.

- Hầu hết gia đình các em đều chưa có máy vi tính kết nối mạng Internet.

- Phụ huynh cũng như học sinh còn “coi nhẹ” môn Tiếng Anh.

* Với những khó khăn như vậy cho nên nhưng năm học trước đây khi chưa áp dụng những kinh nghiệm này thì số lượng học sinh giỏi bộ môn tiếng Anh của nhà trường rất thấp.

III. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

3.1. Công tác chuẩn bị :

Bồi dưỡng học sinh giỏi là công tác quan trọng đòi hỏi ở giáo viên lòng nhiệt tình, luôn tìm tòi học hỏi sáng tạo, dành nhiều thời gian nghiên cứu và giảng dạy. Bên cạnh đó cũng rất cần sự quan tâm chỉ đạo của BGH nhà trường, tổ CM có kế hoạch và sắp xếp lịch bồi dưỡng hợp lý, tạo điều kiện thuận lợi nhằm không bị chông chéo trong việc dạy của giáo viên và việc học các bộ môn khác của học sinh. Ngoài ra sự tích cực thi đua học tập của học sinh là yếu tố quyết định kết quả bồi dưỡng. Trong quá trình giảng dạy tôi đã nhận thấy rằng cần phải có kế hoạch bồi dưỡng cụ thể về nội dung chương trình môn tiếng Anh tiểu học từ lớp 3 đến lớp 5, nhằm giúp các em hệ thống lĩnh hội kiến thức một cách dễ dàng. Ngoài những yếu tố trên thì chúng ta không thể thiếu sự giúp đỡ hỗ trợ của phụ huynh học sinh. Vì vậy tôi đã trực tiếp mời riêng những phụ huynh có con em học giỏi tiếng Anh, trao đổi về tình hình học tập của các em để phụ huynh thấy được vai trò cần thiết về việc bồi dưỡng của con em mình. Từ đó họ có những quan tâm tạo điều kiện thuận lợi về thời gian, về tài liệu phục vụ học tập và nhắc nhở các em học tập ở nhà tốt hơn.

3.2. Phương pháp tiến hành:

- Hiện nay các sách tham khảo và sách bài tập về tiếng Anh dành cho học sinh còn rất hạn chế. Do đó, nhằm giúp học sinh tiếp nhận và nâng cao kiến thức chuyên sâu môn tiếng Anh giáo viên làm công tác bồi dưỡng học sinh giỏi phải hệ thống hóa kiến thức chung và biên soạn các dạng bài tập bồi dưỡng và nâng cao. Biên soạn khung thời gian và nội dung các đề bài để có kế hoạch dạy cho từng tuần, từng tháng.
- Trước kì thi giáo viên chọn lọc một số đề thi qua các kỳ thi học sinh giỏi, hướng dẫn học sinh cách tiếp cận đề, hiểu đề nắm yêu cầu đề ra giúp các em tránh bỏ ngỡ khi gặp các dạng bài mới.

3.2.1. Hệ thống hóa kiến thức chung:

3.2.1.1. Hệ thống hóa kiến thức ngữ pháp:

Trong chương trình tiếng Anh cấp tiểu học, động từ được dùng chủ yếu ở thì hiện tại đơn giản và được bổ sung thêm ở thì hiện tại tiếp diễn, quá khứ đơn giản và tương lai gần. Động từ khuyết thiếu gồm: can, should, must. Dạng động từ: verb to verb, verb + v-ing

Các mẫu câu gồm: khẳng định, phủ định, nghi vấn, câu hỏi có từ để hỏi và câu đơn câu phức, câu ghép, câu mời, câu đề nghị liên quan đến các chủ điểm gia đình, bạn bè, trường học, quê hương, giải trí, thể thao, giao thông, ...

3.2.1.2. Hệ thống hóa từ vựng:

a. Danh từ:

- Phân biệt danh từ đếm được và không đếm được; danh từ đếm được số ít và danh từ đếm được số nhiều; các quy tắc chuyển từ danh từ đếm được số ít sang danh từ đếm được số nhiều và các dạng danh từ số nhiều đặc biệt như: children, people, men, women, oxen, sheep, fish, ...

- Hệ thống hóa các danh từ theo các nhóm: family, school, jobs, foods and drinks, housing, animals, subjects, musical instruments, means of transport, ...

b. Tính từ:

Cách dùng của tính từ: làm thành phần bổ tố trong câu chủ yếu với động từ “to be”, như: He is tall and thin

- Tạo thành danh từ ghép với vị trí trước danh từ chính: a red book
- Hệ thống hóa các tính từ về thời tiết, kích thước, hình dáng, trạng thái, tính chất, màu sắc, ...

c. Trạng từ:

- Hệ thống các loại trạng từ: tần suất, thể cách, thời gian, nơi chốn.
- Cách dùng của trạng từ và vị trí của các loại trạng từ trong câu.
- Cách tạo thành trạng từ từ tính từ.

d. Giới từ:

Hệ thống các giới từ về không gian và thời gian; các giới từ đi cố định với một số tính từ và động từ như: to be fond of, to be proud of, to be interested in, to be different from, to be busy with, look for, look after, take care of, get up, stay up, take out,

e. Mạo từ:

Phân biệt mạo từ xác định (the) và không xác định (a, an) và các dùng của chúng.

g. Đại từ:

Đại từ nhân xưng và chức năng của chúng (chủ ngữ, tân ngữ, sở hữu).

Đại từ chỉ định và chức năng của chúng (chủ ngữ, tính từ).

h. Từ để hỏi:

- Hệ thống hóa các từ để hỏi và vị trí của chúng trong câu hỏi: Who, Whose, What, Which, Why, How, Where, When.

- Dạng kết hợp:

What + danh từ: What subject, What color, What time, ...

How + tính từ: How old, How long, How far, ...

How + trạng từ: How often, How fast, ...

How many + danh từ số nhiều.

How much + danh từ không đếm được.

i. Từ chỉ định lượng:

Hệ thống hóa và cách dùng của chúng: many và much, some và any, a few và few, a little và little, a lot of và lots of.

3.2.2. Hệ thống hóa các dạng bài tập

3.2.2.1. Hệ thống hóa dạng bài tập ngữ âm:

Hãy chọn và khoanh cho vào A, B, C, hoặc D trước một từ có phần gạch chân được phát âm khác các từ còn lại:

- | | | | |
|--------------------|--------------------|--------------------|--------------------|
| 1. A. <u>c</u> at | B. h <u>a</u> t | C. b <u>a</u> nana | D. f <u>a</u> t |
| 2. A. <u>c</u> an | B. <u>a</u> ddress | C. f <u>a</u> n | D. v <u>a</u> n |
| 3. A. <u>c</u> ap | B. l <u>a</u> p | C. m <u>a</u> p | D. g <u>r</u> ay |
| 4. A. r <u>e</u> d | B. b <u>e</u> d | C. b <u>e</u> hind | D. b <u>e</u> tter |
| 5. A. h <u>e</u> n | B. t <u>e</u> n | C. p <u>e</u> n | D. <u>e</u> vening |

3.2.2.2. Hệ thống hóa dạng bài tập từ vựng:

Dạng 1. Hãy chọn và khoanh tròn vào A, B, C, hoặc D trước một từ khác loại với các từ còn lại:

1. A. cook B. taxi driver C. nurse D. matter
2. A. marker B. farmer C. shopkeeper D. student
3. A. fan B. teacher C. van D. can
4. A. hat B. ruler C. cap D. police officer
5. A. sad B. door C. hot D. tired

Dạng 2. Hãy tìm từ trái nghĩa với các từ sau:

1. sad →
2. open →
3. up →
4. fast →

Dạng 3. Tìm các từ, cụm từ đồng nghĩa với các từ và cụm từ sau:

1. little →
2. look for →
3. beautiful →
4. take care of →

Dạng 4. Tìm dạng số nhiều của các danh từ sau:

1. a nurse →
2. a fish →
3. a baby →
4. a child →

Dạng 5. Sắp xếp các chữ thành từ hoàn chỉnh.

1. edb →
2. ckoo →
3. inks →
4. codl →

Dạng 6. Hãy xếp các từ sau vào các nhóm theo chủ đề:

nurse	bookshop	hospital	jeans	worker
swim	draw	teacher	work	school
swing	dress	factory	stadium	policeman
catch	librarian	shirt	skirt	T-shirt

places	clothes	jobs	activities

--	--	--	--

Dạng 7. Hãy tìm và khoanh tròn 5 từ chỉ màu sắc và 5 từ chỉ số đếm trong bảng dưới đây.

G	B	L	A	C	K
R	L	O	N	E	R
E	U	T	W	O	N
E	E	Q	N	H	R
N	W	H	I	T	E
S	I	X	N	O	D
F	I	V	E	U	C

3.2.2.3. Hệ thống hóa dạng bài tập ngữ pháp tổng hợp:

Hãy chọn và khoanh tròn A, B, C, hoặc D trước một đáp án đúng để hoàn thành các câu sau:

- I go to schoolsix thirty.
A. at B. in C. on D. for
- Sheto school at seven o'clock.
A. go B. goes C. going D. to go
- Do you want fish ? - No, I do I want meat.
A. no B. and C. fish D. not
- What timeyou have lunch?
A. is B. does C. do D. are

5. What'sjob ? - She is a teacher.

- A. his B. your C. its D. her

3.2.2.4. Hệ thống hóa dạng bài tập đọc hiểu

Dạng 1. Chọn và khoanh tròn một đáp án để hoàn thành đoạn văn sau:

Kate is my friend. She is (1)..... America. She is (2)..... in Hanoi now.

She likes travelling very much. We (3)..... last year when she visited Ho Chi Minh city. This summer, she is going (4)..... Ha Long Bay.

She says she (5)..... Vietnam very much.

- | | | |
|-------------|------------|-------------|
| 1. A. from | B. in | C. at |
| 2. A. live | B. lives | C. living |
| 3. A. meet | B. met | C. metted |
| 4. A. visit | B. visting | C. to visit |
| 5. A. like | B. likes | C. liked |

Dạng 2. Đọc đoạn văn sau và trả lời các câu hỏi:

Hi! My name is Mai. I am ten years old. I go to school every morning, so I get up very early. I have breakfast at 6.30 and I go to school at 7.00. My brother, Minh doesn't get up early because he does not go to school. He is only two years old. I love him very much. I watch T.V in the evening and I go to bed at 10.30 pm.

Questions:

1. What is her name?

.....

2. Does she get up late in the morning?

.....

3. What time does she go to school?

.....

4. How old is her brother?

.....

5. What time does she go to bed ?

.....

Dạng 3. Đọc đoạn văn sau và đánh dấu (✓) vào chỗ trống của câu mà em cho là đúng (T) hoặc sai (F) với nội dung của đoạn văn:

This is Linh and this is her school. Her school is in the country. It is not a big school. There are 10 classrooms in her school, and it has two floors. There are one hundred and thirty students in the school. Linh is in grade 4 and her classroom is on the second floor. There are 25 students in her class.

Statements	T	F
0. Her name is Linh.	✓	
1. Linh's school is in the city.		
2. There are ten classrooms in her school.		
3. Her school has three floors.		
4. She is a student of grade 5.		

3.2.2.5. Hệ thống hóa dạng bài tập viết

Dạng 1. Hãy sử dụng các thông tin sau để viết thành một đoạn văn:

Name: Lan Anh.

Age: 10

Address: 24 Le Loi street, Nam Dinh city.

Job: a student

School: Kim Dong Primary school.

Hobbies: football, badminton, ice cream, yellow, ...

Abilities: ride a bicycle, draw a picture,...

Telephone Number: 3967786

Dạng 2. Dựa vào sơ đồ sau, hãy viết một đoạn văn về gia đình bạn Ba

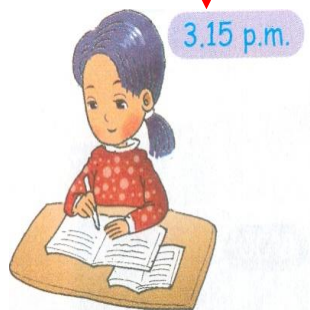
Mr. Hung
doctor
42 years old



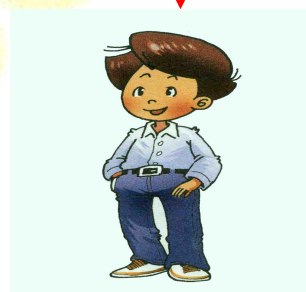
Mrs. Hoa
teacher
38 years old



Lan
student
7 years old



Ba
student
11 years old



This is Ba's family. His father is

.....

.....

.....

.....

Dạng 3. Hãy sắp xếp các từ theo thứ tự để tạo thành câu có nghĩa:

1. is / the / bed / There / a / in / room / . /

.....

2. are / many / books / How / there / on / bag / the / in / ? / table / the /

.....

3. two / has / sisters / mother / My / . /

.....

4. Is / big/ the / ? / living room /

.....

5. hungry / apple / Nam / because / is / an / wants / he / . /

.....

Dạng 4. Hãy dùng các từ gợi ý để viết thành câu hoàn chỉnh:

1. My mother / teacher.

.....

2. When / you / have / English ?

.....

3. I / go / school / 6.30 a.m.

.....

4. Lan / Music/ Maths / Vietnamese / Monday.

.....

5. Mai / Hoa / skip rope / moment.

.....

* Sau khi đã tuyển chọn, lập đội tuyển học sinh giỏi, thời gian còn khoảng 2 tháng là đến ngày thi, giáo viên cho học sinh làm các đề thi của các năm trước hoặc giáo viên tự biên soạn. Giáo viên có thể sửa tại lớp những phần các em thường làm sai để khi gặp lại dạng bài đó các em sẽ không phải bỡ ngỡ và lúng túng.

Nói tóm lại, chúng ta cần cho các em nhiều dạng đề càng tốt để các em vừa củng cố lại kiến thức vừa nâng cao kỹ năng làm bài mang lại kết quả cao cho các em khi tham dự các kì thi.

IV. HIỆU QUẢ DO SÁNG KIẾN ĐEM LẠI

Năm học, khi chưa áp dụng sáng kiến thì số lượng học sinh giỏi tiếng Anh của nhà trường còn thấp chỉ đạt 11 giải. Trong đó: cấp huyện đạt 4 giải Nhì, 1 giải Ba và 5 giải Khuyến khích; cấp tỉnh chỉ đạt 1 giải Khuyến khích.

Sau khi áp dụng thực hiện sáng kiến kinh nghiệm thì học sinh tích cực, chủ động học tập, hăng hái tham dự các cuộc thi. Các em tự tin và lạc quan hơn vào khả năng làm bài của mình. Số lượng học sinh giỏi đạt giải vượt trội, hơn hẳn về chất lượng và số lượng so với những năm trước khi áp dụng sáng kiến này.

Kết quả cụ thể như sau :

- Năm học 2012 – 2013, tôi đã áp dụng vào việc bồi dưỡng HSG, năm đó nhà trường có 20 em lớp 4, 5 tham gia giao lưu Olympic tiếng Anh cấp huyện và 8 em lớp 5 dự thi Olympic tiếng Anh qua mạng Internet.

* Kết quả: Đạt 23 giải, trong đó:

+ Cấp huyện đạt 1 giải Nhì, 4 giải Ba và 16 giải Khuyến khích.

+ Cấp tỉnh đạt 1 giải Ba và 1 giải Khuyến khích.

- Năm học 2013 - 2014, tôi tiếp tục áp dụng sáng kiến này và có 22 học sinh tham gia giao lưu Olympic tiếng Anh cấp huyện và thi Olympic tiếng Anh qua mạng Internet.

* Kết quả: Đạt 18 giải.

+ Cấp huyện đạt 6 giải Ba và 11 giải Khuyến khích.

+ Cấp tỉnh đạt 1 giải Nhất

V. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Qua quá trình nghiên cứu đề tài này tôi xin đề xuất một vài ý kiến nhằm góp phần nâng cao chất lượng bồi dưỡng môn tiếng Anh cho học sinh Tiểu học như sau:

Phòng giáo dục nên thường xuyên tổ chức hội thảo chuyên đề bồi dưỡng học sinh giỏi cho giáo viên tiếng Anh trên toàn huyện 4 lần / năm để chúng tôi có điều kiện trao đổi, học hỏi, đúc rút kinh nghiệm trong quá trình giảng dạy cũng như bồi dưỡng học sinh giỏi.

Phòng giáo dục và đơn vị nhà trường nên có chương trình, kế hoạch cụ thể và chế độ đãi ngộ giáo viên thỏa đáng cho việc bồi dưỡng học sinh giỏi cấp tỉnh và cấp quốc gia.

Cần lựa chọn và thống nhất về chương trình, sách giáo khoa bộ môn tiếng Anh tiểu học và tài liệu bồi dưỡng học sinh giỏi.

Trên đây là những biện pháp mà tôi đã đúc rút được trong quá trình bồi dưỡng học sinh giỏi tiếng Anh tiểu học và cũng đã đạt được những thành công nhất định. Tôi mạnh dạn nêu ra để hội đồng khoa học xem xét, bổ sung, góp ý kiến để tôi có thêm những kinh nghiệm trong giảng dạy nhằm nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ và góp phần nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện cho học sinh.

Đây là ý kiến chủ quan của cá nhân tôi nên không tránh khỏi những hạn chế. Rất mong nhận được sự tham gia góp ý của bạn bè đồng nghiệp.

Xin chân thành cảm ơn sự đóng góp ý kiến của hội đồng khoa học.

Tác giả

Đặng Thế Tài

ĐƠN VỊ ÁP DỤNG SÁNG KIẾN

(Xác nhận, đánh giá, xếp loại)

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Xếp loại:

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Đình Tuấn

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HUYỆN Ý YÊN

(Xác nhận, đánh giá, xếp loại)

.....

.....

.....

.....

.....

Xếp loại:

DANH MỤC CÁC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. **Nguyễn Song Hùng, Trương Thị Ngọc Diệp.** *Tự luyện Olympic tiếng Anh 3, 4, 5.* Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam, 2011.
2. **Ritsuko Nataka, Karen Frazier, Barbara Hoskins, Steve Wilkinson.** *Let's go.* Nhà xuất bản Đại học Oxford, 2008.
3. **Xuân Bá.** *Từ vựng tiếng Anh theo chủ đề.* Nhà xuất bản Hà Nội, 2006.
4. **Đặng Thế Tài.** *Bài tập bồi dưỡng và nâng cao tiếng Anh 4, 5.*
5. Một số đề giao lưu Olympic tiếng Anh cấp quận, huyện của một số tỉnh, thành.